

Số: 81/2026/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 24 tháng 9 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Vĩnh .

2. Bà Đặng Thị Minh.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 412/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng và thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957, căn cước công dân số: 031057002610; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T: Bà Hoàng Minh P, sinh năm 1994; ông Lê Ngọc T1, sinh năm 1996 và ông Phạm Quang A, sinh năm 2003: Đều là Luật sư, cán bộ Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1982, căn cước công dân số: 031082017072 và chị Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm 1983, căn cước công dân số: 031183027029; cùng nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1947, căn cước công dân số: 031047000486; nơi cư trú: Số H T, phường P, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Lương Xuân T3, sinh năm 1957, căn cước công dân số: 031053003933; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Lương Văn C1, sinh năm 1962, căn cước công dân số: 031062016540; nơi cư trú: Số H T, phường P, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Lương Văn C2, sinh năm 1965, căn cước công dân số: 031065002052; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Lương Văn T4, sinh năm 1970, căn cước công dân số: 031068011859; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

+ Ông Lương Văn S, sinh năm 1973, căn cước công dân số: 031073008613; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973 và anh Lương Hoài N, sinh năm 1993, căn cước công dân số: 031093000718; cùng nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất xác định:

Trong thời kỳ hôn nhân ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị X có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 96, tờ bản đồ 197A-3, diện tích 668,0m² và toàn bộ tài sản trên đất (nhà B1, B2, bếp G1, nhà phụ G1, chuồng lợn G2, lán L1, nhà vệ sinh, bể nước, sân, cây trồng và tường vây); địa chỉ: Thôn T, xã A, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 570038, số vào sổ cấp GCN: H0625/AL ngày 28/9/2006 của Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị X.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định: Thửa đất số 96, tờ bản đồ 197A-3, diện tích 668,0m² trị giá 8.000.000 đồng/m². Tài sản trên đất gồm nhà B1, B2, bếp G1, nhà phụ G1, chuồng lợn G2, lán L1, nhà vệ sinh, bể nước, sân, cây trồng và tường vây có tổng giá trị là 200.748.000 đồng.

Các đương sự thống nhất thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông T, bà X và chia di sản thừa kế của bà X cụ thể như sau:

- Chia cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất S1 = 417,5m² (được xác định bởi các điểm mốc giới 1,2,3,4,4a,6b và 1 trên sơ đồ hiện trạng) và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (nhà B, B2, bếp G1, nhà phụ G1, chuồng lợn G2, lán L1, nhà vệ sinh, bể nước, sân, cây trồng và tường vây).

- Chia cho anh Nguyễn Mạnh C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất S2 = 125,25m² (được xác định bởi các điểm mốc giới 6b,4a,4b,6a và 6b trên sơ đồ hiện trạng).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Thu Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất S3 = 125,25m² (được xác định bởi các điểm mốc giới 6a,4b,5,6 và 6a trên sơ đồ hiện trạng).

(Vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo quyết định).

2.2. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và theo quyết định công nhận thoả thuận.

2.3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Anh Nguyễn Mạnh C phải chịu 42.060.000 (Bốn mươi hai triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Thu Q phải chịu 42.060.000 (Bốn mươi hai triệu không trăm sáu mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2-Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

